

Số: **36** /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **31** tháng **8** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê
phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính
phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 496/TTr-SKHĐT
ngày 28 tháng 7 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ
và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **11** tháng **9** năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban
ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các cơ quan, tổ
chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ KHĐT, Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, (Số bản **50**).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiên Dũng

QUY ĐỊNH

**Về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ
mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36. /2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định này không điều chỉnh chế độ báo cáo định kỳ do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành; báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề, báo cáo thống kê, báo cáo mật, báo cáo trong nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước.

3. Chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được sử dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và được điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị); cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ban hành và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh; đồng thời, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo đối với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Nội dung chế độ báo cáo phù hợp với quy định tại các văn bản do các cơ quan và người có thẩm quyền thuộc hệ thống hành chính nhà nước ban hành.

3. Chế độ báo cáo chỉ được ban hành khi thật sự cần thiết để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

4. Chế độ báo cáo phải phù hợp về thẩm quyền ban hành và đối tượng yêu cầu báo cáo, bảo đảm rõ ràng, thống nhất, đồng bộ, khả thi và không trùng lặp với chế độ báo cáo khác. Giảm tối đa yêu cầu về tần suất báo cáo nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực trong thực hiện chế độ báo cáo.

5. Các số liệu yêu cầu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện chế độ báo cáo và công tác phối hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

Điều 4. Nội dung yêu cầu báo cáo

1. Nội dung yêu cầu báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn bản hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Điều 5. Các chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê; thời gian chốt số liệu

1. Báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê hàng tháng: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê hàng quý: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê 06 tháng: Thời gian chốt số liệu 06 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 06 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê năm: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Hình thức báo cáo

Báo cáo được thể hiện dưới một trong hai hình thức sau:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, đóng dấu theo quy định.

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số của cơ quan, đơn vị.

2. Phương thức gửi báo cáo:

a) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Gửi qua Fax;

c) Gửi qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành;

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm báo cáo chuyên dùng.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo

1. Các cấp gửi báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê cho cấp trên chậm nhất vào các ngày của tháng cuối kỳ báo cáo như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp; chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi báo cáo định kỳ cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất là vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo định kỳ cho Trung ương chậm nhất là vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo, trừ trường hợp có quy định khác theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Trường hợp thời hạn báo cáo trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

Điều 8. Danh mục báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê

1. Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo và biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục I, II, III kèm theo quy định này.

2. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê

a) Danh mục báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, đề cương, biểu mẫu báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

b) Các cơ quan, ban, ngành chủ động, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ

đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, địa phương được bố trí trong kinh phí hoạt động chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh các Sở ban ngành địa phương hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Danh mục báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi. Thời hạn công bố chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban ngành, UBND các huyện và thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quy định này trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp, tham mưu điều chỉnh chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

6. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, thuộc tỉnh:

Thực hiện báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh tại Quy định này qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

7. Thường xuyên rà soát chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng